

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2021/DS-PT.

Ngày: 26 - 4 - 2021

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Các Thẩm phán:

1. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

2. Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chiêu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 03 năm 2021 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2021/DS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị E, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Chân L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số O, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần NP.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh H, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Khu Công nghiệp X, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần NP: Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1969. Theo văn bản ủy quyền ngày 16/4/2021.

Địa chỉ: Số K, đường M, Phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

3.1. Ông Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.2. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

4. *Người kháng cáo*: Bị đơn Công ty Cổ phần NP.

5. *Người kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 13/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Chân L đại diện cho bà Huỳnh Thị E trình bày:

Bà Huỳnh Thị E là chủ thửa đất số 4, tờ bản đồ số 20, loại đất CLN, diện tích 30.000m² tại ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; do nhận chuyển nhượng lại của ông Ngô Minh T1 và được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 11/5/2009. Từ khi nhận chuyển nhượng đất bà E trồng tràm và thuê người chăm sóc, khai thác.

Khoảng tháng 5 năm 2019, bà E phát hiện Công ty Cổ phần NP cho máy xúc (Kobe) và xe ủi vào san lấp tràm trên một phần thửa đất số 4 diện tích khoảng 1.700m² (diện tích đo đạc là 2.003m²) làm hư hại tràm của bà E. Bà E đã yêu cầu Công ty Cổ phần NP chấm dứt hành vi san lấp trái phép nhưng Công ty vẫn tiến hành san ủi và chiếm đất trái phép của bà E. Bà E đã gửi đơn đến UBND xã M yêu cầu giải quyết, nhưng Công ty NP không đến và không có thiện chí hợp tác để giải quyết tranh chấp.

Bà Huỳnh Thị E khởi kiện Công ty Cổ phần NP yêu cầu bồi thường thiệt hại 34.000 cây tràm có giá trị là 340.000.000 đồng và phải san lấp bằng phẳng và giao trả lại một phần thửa số 4, tờ bản đồ số 20 với diện tích 1.700m², tại ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An cho bà E.

Bị đơn Công ty Cổ phần NP do ông Trần Ngọc L2 đại diện trình bày tại Bản trình bày ngày 02/8/2019 như sau:

Công ty Cổ phần NP là Chủ đầu tư Khu Công nghiệp X, tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Công ty đã triển khai đầu tư giai đoạn 1, 2 và đang lập các thủ tục pháp lý để triển khai mở rộng giai đoạn 3. Trong quá trình triển khai đầu tư và được Thủ tướng Chính phủ cho phép triển khai về việc bồi thường tổng diện tích 400ha thuộc quy hoạch Khu Công nghiệp X. Do đó, Công ty Cổ phần NP đã bồi thường gần hết diện tích đất của các hộ dân nằm trong diện tích thuộc giai đoạn 3. Công tác bồi thường thuộc giai đoạn 3 dựa trên cơ sở phương án bồi thường và đơn giá bồi thường được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và sự thỏa thuận với các hộ dân thông qua hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có xác nhận của UBND xã M; được sự chấp thuận chủ trương của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 546/CP-NN ngày 07/5/2001 và Văn bản số 873/CV-UB ngày 09/4/2001 của UBND tỉnh Long An.

Theo hồ sơ đã bồi thường năm 2001 thì thửa số 4 và số 10 thuộc tờ bản đồ số 20, xã M, huyện Đ là của ông Nguyễn Hùng M và Công ty NP đã thỏa thuận bồi

thường thông qua hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có xác nhận của UBND xã M, Công ty NP cũng đã thực hiện hỗ trợ bố trí 02 nền tái định cư cho ông Nguyễn Hùng M và ông M đã ký nhận tiền bồi thường và tiền tái định cư đầy đủ; được thể hiện trong hồ sơ bồi thường, bản trích đo bản đồ địa chính của Trung tâm Kỹ thuật Đo đạc Địa chính LA lập ngày 14/10/2003 và bảng thống kê vị trí diện tích đất Khu Công nghiệp X giai đoạn 3 lập ngày 17/6/2008 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An, được phê duyệt ngày 20/6/2008. Trong đó xác định thửa số 4 và thửa số 10, tờ bản đồ số 20 với tổng diện tích là 40.000m² là của ông Nguyễn Hùng M do đó thửa đất số 4 và số 10 là của Công ty Cổ phần NP.

Bà Huỳnh Thị E khởi kiện Công ty Cổ phần NP yêu cầu bồi thường thiệt hại 34.000 cây tràm có giá trị là 340.000.000 đồng và trả lại hiện trạng quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa số 4, tờ bản đồ số 20 với diện tích là 1.700m² là không có cơ sở. Bởi vì theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 11/5/2009 của UBND huyện Đ, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H 00287 là cấp cho bà Huỳnh Thị E thửa số 114, tờ bản đồ số 20, diện tích 30.000m²; nguồn gốc đất này do bà E nhận chuyển nhượng từ ông Ngô Minh T1; sau đó chỉnh lý lại số thửa vào năm 2014. Nguồn gốc thửa số 114 do ông T1 khai hoang và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999; được Cán bộ địa chính xã xác nhận, UBND xã M phê duyệt ngày 29/9/1999 và được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/01/2000, số vào sổ 1914/QSDĐ/0715-LA cũng thể hiện có thửa đất số 114, tờ bản đồ số 20, diện tích 30.000m². Ngoài ra, theo thông tin lưu trữ trong sổ mục kê sử dụng đất tại UBND xã M thì ghi nhận chủ sử dụng đất là ông Ngô Minh Trí có thửa đất số 114, tờ bản đồ số 20, diện tích 30.000m². Việc chỉnh lý từ thửa đất số 114, tờ bản đồ số 20 sang thửa số 4, tờ bản đồ số 20 có diện tích 30.000m² vào thời điểm năm 2014 theo Công ty NP là không đúng, có sự nhầm lẫn hoặc sai sót. Bởi vì theo trích đo bản đồ địa chính của Trung tâm Kỹ thuật Đo đạc Địa chính LA lập ngày 14/10/2003 và bảng thống kê vị trí diện tích đất Khu công nghiệp X giai đoạn 3 ngày 17/6/2008 của Trung Tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An phê duyệt ngày 20/6/2008 thì thửa số 4, tờ bản đồ số 20, có diện tích là 20.000m². Mặc khác, khi tiến hành chỉnh lý, UBND xã không lập biên bản ranh với các chủ đất tiếp giáp.

Công ty Cổ phần NP đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà E đối với Công ty Cổ phần NP.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh L1 trình bày:

Ông Nguyễn Thanh L1 là chồng bà Huỳnh Thị E; cùng quản lý, sử dụng thửa đất số 4, tờ bản đồ số 20, loại đất rừng, tại ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Ông L1 thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà E do bà Nguyễn Thị Chân L đại diện trình bày.

Ông L1 đề nghị Tòa án buộc Công ty Cổ phần NP trả lại phần đất lấn chiếm cho bà E và bồi thường số cây tràm bị thiệt hại theo chứng thư thẩm định giá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2020 như sau:

Từ năm 2009 đến nay ông Nguyễn Thanh T có thuê thửa đất số 4, diện tích 03ha, tờ bản đồ số 20, tại ấp T, xã M, huyện Đ của bà Huỳnh Thị E để chăm sóc và khai thác trầm theo hình thức khai thác khoán; hằng năm ông T thanh toán cho bà E số tiền 6.000.000 đồng; việc thuê khoán đất của bà E các bên chỉ thỏa thuận miệng không có làm giấy tờ với nhau do trước năm 2009 ông T cũng thuê khoán thửa đất số 4 của chủ đất cũ tên Ngô Minh T1 ở Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi ông T1 bán đất lại cho bà E thì ông T tiếp tục thuê khoán đất của bà E để khai thác trầm cho đến nay. Việc tranh chấp thửa đất số 4 giữa bà Huỳnh Thị E với Công ty Cổ phần NP thì ông T cũng có nghe vợ chồng bà E nói. Việc tranh chấp đất đai giữa bà E với Công ty Cổ phần NP thì không có liên quan đến quyền lợi của ông T.

Bà Huỳnh Thị E yêu cầu Công ty Cổ phần NP bồi thường số cây trầm do Công ty san lấp đất gây thiệt hại thì ông T xác định là cây trầm gắn liền với thửa đất số 4 thuộc quyền sở hữu của bà E nên việc Công ty Cổ phần NP gây thiệt hại cây trầm của bà E thì ông T cũng không có yêu cầu gì.

Việc thỏa thuận thuê khoán đất giữa ông T với bà E không có tranh chấp nên ông T không có yêu cầu gì trong vụ án nên đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Toà án đã mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng nguyên đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án không hòa giải được.

Tại phiên họp ngày 25/11/2020 nguyên đơn bà Huỳnh Thị E yêu cầu Công ty Cổ phần NP bồi thường thiệt hại về cây trầm có giá trị là 43.264.200 đồng và yêu cầu Công ty phải trả chi phí san lấp để khôi phục lại hiện trạng ban đầu một phần thửa đất số 4, diện tích: 2.003m² cho bà E là 210.000.000 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần NP chỉ đồng ý bồi thường số cây trồng bị thiệt hại trên một phần thửa đất số 4, có diện tích: 2.003m² cho bà E là 10.000.000 đồng và hỗ trợ cho bà E chi phí san lấp khôi phục tình trạng ban đầu đối với một phần thửa đất số 4 là 15.000.000 đồng; tổng cộng là 25.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Chân L đại diện bà Huỳnh Thị E yêu cầu Công ty Cổ phần NP phải bồi thường giá trị số cây trầm thiệt hại theo chứng thư thẩm định giá là 5.989.000 đồng và bồi thường chi phí san lấp là 240.360.000 đồng; không đồng ý để Công ty Cổ phần NP tự san lấp khôi phục tình trạng ban đầu vì sẽ không đảm bảo khôi phục hiện trạng sử dụng đất như trước đây.

Ông Trần Ngọc L2 đại diện Công ty Cổ phần NP thừa nhận khi san ủi đất để thi công Đường số 3 thuộc Khu Công nghiệp X giai đoạn 2-3 do Bộ phận thi công san lấp của Công ty không định vị được vị trí nên đã san ủi lấn sang một phần thửa đất số 4 của bà E với diện tích là 2.003m², nên Công ty Cổ phần NP đồng ý bồi thường số cây trầm mà bà E bị thiệt hại theo Chứng thư thẩm định giá và tự nguyện san lấp để khôi phục tình trạng ban đầu diện tích đất 2.003m² trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án quyết định nên Công ty không đồng ý trả giá trị chi phí san lấp cho bà E vì Công ty có đủ điều kiện để thi công san lấp.

Bà L, ông L2 đều không thỏa thuận được với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án. Ông L có đơn đề nghị xé xử vắng mặt, nhưng có mặt tại phiên tòa và đề nghị chỉ dự nghe Tòa án xét xử nên không tham gia ý kiến; ông Tâm vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2017/DS-ST ngày 02/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Căn cứ vào các khoản 2 Điều 5, khoản 6, 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39 và các Điều 147, Điều 157, Điều 164, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị E đối với Công ty Cổ phần NP.

Xác định: Quyền sử dụng đất có diện tích là 2.003m² thuộc một phần thửa số 4, tờ bản đồ số 20, loại đất: CLN, tại ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, theo Mảnh trích đo địa chính số 428-2019 ngày 05/11/2019 của Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất TN; được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 08/11/2019, thuộc quyền sử dụng của bà Huỳnh Thị E.

Buộc Công ty Cổ phần NP phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị E số tiền bồi thường thiệt hại tài sản về cây trồng và chi phí san lấp tổng cộng là 246.349.000 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ trả tiền nếu chậm trả thì phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc Công ty Cổ phần NP phải nộp tiền chi phí tố tụng là 161.000.000 đồng; để trả lại cho bà Huỳnh Thị E tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 67.000.000 đồng và ông Nguyễn Thanh L1 tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 94.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Công ty Cổ phần NP phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 12.317.000 đồng.

Bà Huỳnh Thị E được trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm tổng cộng là 20.500.000 đồng theo Biên lai thu số 0003102 ngày 12 tháng 7 năm 2019 và Biên

lai thu số 0003103 ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 02/02/2021, bị đơn Công ty Cổ phần NP kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần tiền bồi thường thiệt hại và tiền chi phí tố tụng.

Ngày 18/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ kháng nghị về phần tiền chi phí bồi thường. Tiền bồi thường đề nghị chấp nhận theo đề nghị của Công ty Cổ phần NP.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn Công ty NP người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thanh M rút lại một phần yêu cầu kháng cáo đối với số tiền bồi thường thiệt hại cho bà Huỳnh Thị E, phía Công ty NP đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm phần tiền bồi thường này, Công ty giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với tiền chi phí tố tụng Công ty NP không đồng ý chịu số tiền chi phí tố tụng lần hai là 94.000.000đồng do phía Công ty không biết việc Tòa án tiến hành đo đất lần hai; Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An rút lại quyết định kháng nghị vì Công ty NP đã đồng ý với Quyết định của bản án sơ thẩm đối với số tiền bồi thường, các bên đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới.

Đối với tiền chi phí tố tụng theo yêu cầu kháng cáo của phía Công ty NP. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Chân L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thanh M đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty Cổ phần NP rút kháng cáo đối với yêu cầu không đồng ý bồi thường thiệt hại tài sản và chi phí san lấp chỉ đồng ý khôi phục lại hiện trạng ban đầu. Đối với kháng cáo về chi phí tố tụng thì hai bên thỏa thuận nguyên đơn đồng ý hỗ trợ 72.000.000đồng, bị đơn đồng ý. Do bị đơn rút một phần kháng cáo, nội dung rút kháng cáo có cùng nội dung kháng nghị nên việc kháng nghị không còn cần thiết nên Viện kiểm sát tỉnh Long An rút toàn bộ kháng nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị và kháng cáo nội dung trên. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về chi phí tố tụng, chấp nhận kháng cáo của bị đơn đối với yêu cầu kháng cáo về chi phí tố tụng. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 278, Điều 279 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Đối với ông Nguyễn Thanh L1 và ông Nguyễn Thanh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần NP và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đối với số tiền mà Quyết định của bản án sơ thẩm buộc Công ty NP phải bồi thường thiệt hại cho bà Huỳnh Thị E số tiền 246.349.000đồng thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần NP là ông M rút kháng cáo đối với yêu cầu không đồng ý bồi thường thiệt hại tài sản và chi phí san lấp chỉ đồng ý khôi phục lại hiện trạng như ban đầu. Do bị đơn rút lại một phần kháng cáo và nội dung rút kháng cáo cùng với nội dung của Quyết định kháng nghị nên Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An rút toàn bộ kháng nghị. Xét thấy việc rút một phần đơn kháng cáo của bị đơn và rút toàn bộ quyết định kháng nghị của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An cũng được phía đại diện nguyên đơn là bà L đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo và kháng nghị nội dung này.

[3] Xét đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty NP không đồng ý chịu số tiền chi phí tố tụng lần hai là 94.000.000đồng thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn đã tự thỏa thuận được với nhau về tiền chi phí tố tụng cụ thể: Tổng cộng chi phí tố tụng Quyết định của bản án sơ thẩm buộc phía bị đơn Công ty NP phải chịu là 161.000.000đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu 72.000.000đồng, toàn bộ số tiền này phía nguyên đơn đã tạm nộp, do đó phía bị đơn đồng ý trả lại cho phía nguyên đơn 89.000.000đồng. Xét thấy đối với số tiền chi phí tố tụng các đương sự đã tự thỏa thuận và việc thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 157, Điều 164 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử căn ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

[4] Từ những phân tích trên: Có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần NP, sửa một phần bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng.

[5] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần NP không phải chịu án phí do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 289, Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần NP và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đối với số tiền bồi thường thiệt hại tài sản về cây trồng và chi phí san lấp số tiền là 246.349.000đồng.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần NP đối với số tiền chi phí tố tụng.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 22/2021/DS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 164, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị E đối với Công ty Cổ phần NP.

1.1. Xác định quyền sử dụng đất có diện tích là 2.003m² thuộc một phần thửa số 4, tờ bản đồ số 20, loại đất: CLN tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, theo Mảnh trích đo địa chính số 428-2019 ngày 05/11/2019 của Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất TN; được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 08/11/2019, thuộc quyền sử dụng của bà Huỳnh Thị E.

1.2. Buộc Công ty Cổ phần NP phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị E số tiền bồi thường thiệt hại tài sản về cây trồng và chi phí san lấp tổng cộng là 246.349.000 đồng.

1.3. Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ trả tiền nếu chậm trả thì phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về chi phí tố tụng:

2.1. Tổng số tiền chi phí tố tụng là 161.000.000đồng; bà Huỳnh Thị E phải chịu 72.000.000đồng, Công ty Cổ phần NP phải chịu 89.000.000đồng; số tiền 161.000.000đồng bà E đã tạm nộp xong do đó Công ty Cổ phần NP phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị E số tiền 89.000.000đồng cho bà Huỳnh Thị E.

2.2. Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ trả tiền nếu chậm trả thì phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Công ty Cổ phần NP phải nộp tiền án phí là 12.317.000 đồng.

3.2. Bà Huỳnh Thị E được trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 20.500.000 đồng theo biên lai thu số 0003102 ngày 12 tháng 7 năm 2018 và biên lai thu số 0003103 ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho Công ty Cổ phần NP do ông Trần Ngọc L2 đại diện nộp số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007466 ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phùng Thị Cẩm Hồng